



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# **CÔNG BÁO**

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 107 + 108

Ngày 01 tháng 12 năm 2021

## **MỤC LỤC**

Trang

### **PHÂN VẤN BẢN KHÁC**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- |             |   |    |
|-------------|---|----|
| 11-10-2021- | Quyết định số 3509/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 7.   | 3  |
| 15-10-2021- | Quyết định số 3579/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.                                     | 17 |
| 20-10-2021- | Quyết định số 3637/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030. | 32 |

02-11-2021- Quyết định số 3720/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Thành phố.

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3509/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 7

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài*

*nguyên và Môi trường về quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố (số 122/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016; số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017; số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017; 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018; số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019; số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019; số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020);*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5621/TTr-STNMT-QLĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, Ủy ban nhân dân Quận 7 tại Tờ trình số 3041/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 7 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

# 1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiểng	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>3.569,56</b>	<b>387,51</b>	<b>882,99</b>	<b>429,00</b>	<b>748,76</b>	<b>162,40</b>	<b>105,37</b>	<b>99,55</b>	<b>85,93</b>	<b>447,34</b>	<b>220,71</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>144,18</b>	<b>34,45</b>	<b>52,44</b>	<b>8,12</b>	<b>2,27</b>	<b>28,69</b>	<b>5,45</b>	<b>1,00</b>	<b>1,90</b>	<b>0,15</b>	<b>9,71</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA											
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	31,55	10,44	7,68	1,79	0,25	5,21			1,05		5,11
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	99,46	21,14	42,05	6,18	1,95	19,24	2,30	1,00	0,85	0,15	4,60
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	13,18	2,87	2,71	0,15	0,06	4,24	3,15				
1.8	Đất làm muối	LMU											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH											
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.425,38</b>	<b>353,06</b>	<b>830,56</b>	<b>420,87</b>	<b>746,49</b>	<b>133,71</b>	<b>99,92</b>	<b>98,55</b>	<b>84,02</b>	<b>447,19</b>	<b>211,00</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	12,33	10,96	0,48		0,89						
2.2	Đất an ninh	CAN	20,70	3,32		1,12						16,26	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK											
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	300,03				300,03						
2.5	Đất cụm công	SKN											

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiểng	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+... +(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	nghịệp												
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	119,25	3,95	41,53	42,37	2,55	4,36	6,60	0,01	1,01	11,05	5,83
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	172,40	3,89	79,11		71,89	2,72	4,74	7,51	0,37	1,48	0,69
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	744,55	66,39	77,36	158,34	105,95	34,09	35,00	20,91	19,56	176,33	50,63
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,22		0,08			0,14					
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL											
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,59		1,20	0,79	0,11			0,08			0,40
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT											
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.021,20	157,73	159,14	146,66	80,45	70,94	48,39	52,35	54,12	135,95	115,47
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,01	1,55	0,24	8,03	0,60	0,25	0,71	0,50	0,17	0,40	0,56
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,40		0,06	1,96	0,07	0,18			0,01		0,11
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG											
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,58	1,57		0,09	0,30	0,24	0,14	0,84	0,21	0,72	0,48
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	3,00	0,91	0,74		0,40	0,90		0,05			
2.20	Đất sản xuất vật	SKX											

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiên	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
	liệu xây dựng, làm đồ gốm													
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,19	0,06	0,18	0,15	0,07	0,12	0,03	0,10	0,02	0,17	0,30	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	153,86	7,15	75,28	15,23	1,77	7,55	0,12		0,17	39,08	7,53	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,21	0,25	0,04		0,14		0,01	0,09		0,24	0,42	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	842,39	93,51	387,23	46,07	180,57	12,23	4,19	16,11	8,39	65,51	28,58	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	8,99	0,35	7,89	0,07	0,68							
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,48	1,48										
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>												
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>												
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>KKT</b>												
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>3.569,56</b>	<b>387,51</b>	<b>882,99</b>	<b>429,00</b>	<b>748,76</b>	<b>162,40</b>	<b>105,37</b>	<b>99,55</b>	<b>85,93</b>	<b>447,34</b>	<b>220,71</b>	

Ghi chú: \* Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

## 2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2021

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiên	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiên	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>3,79</b>	<b>3,18</b>	<b>0,37</b>			<b>0,03</b>					<b>0,21</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA											
	<i>Đất trồng lúa *</i>	<i>LUA*</i>	<i>6,73</i>	<i>1,10</i>	<i>0,76</i>	<i>4,87</i>							
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1,09	0,88				0,01					0,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2,70	2,30	0,37			0,02					0,01
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS											
1.8	Đất làm muối	LMU											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH											
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>30,74</b>	<b>5,62</b>	<b>13,17</b>	<b>0,34</b>	<b>1,84</b>	<b>0,57</b>	<b>0,29</b>	<b>0,12</b>		<b>3,01</b>	<b>5,78</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,06	0,01			0,05						
2.2	Đất an ninh	CAN											
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK											
2.4	Đất khu chế xuất	SKT											



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiên	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN											
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,30	0,04	0,20								0,06
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,60	0,10	0,01		0,40			0,09			
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8,31	1,42	3,43	0,01	0,09	0,01	0,02			0,73	2,60
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,01		0,01								
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL											
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,02		0,02								
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT											
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	8,73	1,51	2,53	0,31	0,20	0,47		0,03		1,45	2,23
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,86	1,86			0,004						
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS											

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiên	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG											
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON											
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD											
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX											
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH											
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,10		3,76			0,09	0,02			0,68	0,55
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN											
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	4,29	0,68	1,75	0,02	1,10		0,25			0,15	0,34
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1,46		1,46								
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK											

Ghi chú: LUA\*: Diện tích đất trồng lúa pháp lý thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân theo bản đồ địa chính cũ (TL-02). Do trong quá trình sử dụng đất giai đoạn những năm 1999-2004, có thay đổi diện tích đất trồng lúa sang các loại đất khác như: đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, đất ở,... mà không đăng ký biến động đất đai ở các cơ quan có thẩm quyền, nhưng về mặt pháp lý trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân vẫn còn ghi nhận là đất trồng lúa

### 3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiểng	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>4,35</b>	<b>3,25</b>	<b>0,57</b>	<b>0,07</b>	<b>0,05</b>	<b>0,19</b>					<b>0,22</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN											
	<i>Đất trồng lúa *</i>	<i>LUA*/PNN</i>	8,27	1,10	1,30	4,87		1,00					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	1,39	0,91	0,16	0,04	0,03	0,04					0,21
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	2,90	2,33	0,38	0,03		0,15					0,01
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,06	0,01	0,03		0,02						
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN											



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Phú Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Phú	Phường Tân Thuận Đông	Phường Bình Thuận	Phường Tân Thuận Tây	Phường Tân Kiểng	Phường Tân Quy	Phường Tân Phong	Phường Tân Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	phải là rừng												
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR <sup>(a)</sup>											
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR <sup>(a)</sup>											
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>0,36</b>	<b>0,32</b>		<b>0,03</b>		<b>0,01</b>					

Ghi chú: -(a): gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác;

- PKO: là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở;

- LUA\*: Diện tích đất trồng lúa pháp lý thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân theo bản đồ địa chính cũ (TL-02). Do trong quá trình sử dụng đất giai đoạn những năm 1999-2004, có thay đổi diện tích đất trồng lúa sang các loại đất khác như: đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, đất ở,... mà không đăng ký biến động đất đai ở các cơ quan có thẩm quyền, nhưng về mặt pháp lý trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân vẫn còn ghi nhận là đất trồng lúa

#### 4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2021

rên địa bàn Quận 7 không có diện tích đất chưa sử dụng.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, các đơn vị sau có trách nhiệm:

**1. Ủy ban nhân dân Quận 7:**

- Kiểm tra, rà soát các chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đảm bảo các nguyên tắc thể hiện tại Kế hoạch số 9720/KH-STNMT-QLĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường và cập nhật chỉ tiêu sử dụng đất này vào quy hoạch sử dụng đất cấp quận thời kỳ 2021-2030 đồng thời với quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2021-2025 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tích hợp vào quy hoạch tỉnh đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất.

- Việc đăng ký kế hoạch, giải quyết hồ sơ sử dụng đất đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý hoặc đề xuất xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; xác định cụ thể nguyên nhân chậm thực hiện, vướng mắc, làm việc với các chủ đầu tư về nguồn vốn đầu tư, chủ trương đầu tư, kế hoạch và khả năng thực hiện dự án đối với các trường hợp đã đăng ký kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo triển khai đúng thời hạn, khả thi; chịu trách nhiệm về đề xuất tiếp tục đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đối với các công trình - dự án đã đăng ký kế hoạch sử dụng đất từ năm 2018 trở về trước.

- Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng ranh dự án được phê duyệt và đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt và quy định pháp luật.

- Đối với 11 tuyến hẻm Ủy ban nhân dân Quận 7 đăng ký thực hiện trong năm 2021 theo Nghị quyết số 01-NQ/QU ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Quận ủy Quận 7 về vận động Nhân dân hiến đất mở rộng hẻm giai đoạn 2020-2025, trường hợp có phát sinh thủ tục thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân quận 7 phải chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với dự án Khu căn hộ tại phường Bình Thuận, hiện cơ quan Tòa án đang giải quyết, xử lý về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất thực hiện dự án, do đó không có cơ sở để xem xét đăng ký thực hiện trong năm 2021.

- Đối với chỉ tiêu, diện tích đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân năm 2021: Ủy ban nhân dân Quận 7 chưa thực hiện nội dung chỉ đạo tại

điểm 2.2, Mục III của Kế hoạch số 649/KH-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố và điểm 5, Mục I của Thông báo số 3859/TB-STNMT-VP ngày 20 tháng 5 năm 2021. Do vậy, Ủy ban nhân dân Quận 7 tiếp tục thực hiện nội dung này gửi Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định làm cơ sở giải quyết nhu cầu đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2021. Đồng thời, khẩn trương hoàn thiện báo cáo thuyết minh, Bản đồ vị trí các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của các phường trên địa bàn Quận 7, cụ thể: giảm chỉ tiêu, diện tích đăng ký nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân đối với 6,21ha (theo phụ lục đính kèm Tờ trình số 5621/TTr-STNMT-QLĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường) trên địa bàn các phường: Bình Thuận (0,21ha), Phú Mỹ (0,19ha), Tân Phong (0,10ha), Tân Quy (0,01ha), Tân Hưng (0,29ha), **Tân Phú (0,01ha)**, Phú Thuận (5,16ha), Tân Thuận Đông (0,24ha) chưa có cơ sở để xem xét đăng ký do thực tế hiện trạng đang có tranh chấp, không phải là đất nông nghiệp, không đúng mục đích sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận (Khoản 1 Điều 6 và Điều 10, Điều 11 Luật Đất đai),... làm cơ sở công bố, niêm yết công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với diện tích đất chuyển đổi mục đích từ đất lúa, Ủy ban nhân dân Quận 7 có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, đảm bảo thực hiện đúng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, chịu trách nhiệm về pháp lý, ranh, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân. Hàng tháng, báo cáo các trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn Quận (kèm theo Quyết định và hồ sơ pháp lý có liên quan) cho Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp theo dõi, quản lý.

- Công bố, niêm yết công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

## **2. Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở-ngành có liên quan:**

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân Quận 7 thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Xác định, cân đối các nguồn vốn để thực hiện dự án - công trình và thường

xuyên rà soát vướng mắc, phối hợp xử lý hoặc báo cáo đề xuất tháo gỡ nhằm đảm bảo kế hoạch sử dụng đất được thực hiện khả thi; thực hiện chính sách khai thác quỹ đất hợp lý, hiệu quả, phát huy tiềm năng về đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở - Ban- Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hòa Bình**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3579/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Kế hoạch thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;*

*Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 4397/TTr-SCT ngày 06 tháng 10 năm 2021 về Việc phê duyệt Kế hoạch Thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận- huyện, Thành phố Thủ Đức căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận- huyện, Tổng giám đốc Tổng công ty điện lực thành phố - TNHH và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện tiết kiệm điện**

#### **trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Trong nhiều năm qua, việc cung ứng điện cho nền kinh tế luôn được đảm bảo, làm nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, giữ vững an ninh quốc phòng, ổn định xã hội. Tuy nhiên, xét bối cảnh nguồn cung ứng điện giai đoạn 2020 - 2025 gặp nhiều thách thức do

- Tình trạng thủy văn đảm bảo mức phát điện của các nhà máy thủy điện trên hệ thống sông diễn biến theo chiều hướng bất lợi bởi biến đổi khí hậu;
- Sự phụ thuộc ngày càng sâu rộng vào năng lượng sơ cấp nhập khẩu;
- Nguồn điện gió, điện mặt trời vẫn còn hạn chế về quy mô và còn nhiều rào cản kỹ thuật trong khai thác, sử dụng;
- Nhiệt điện gặp nhiều khó khăn trong mở rộng đầu tư,

Trong khi đó, nhu cầu điện vẫn tiếp tục tăng ở mức cao, bình quân 10%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế, thì việc sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả phải được coi là giải pháp quan trọng, cấp bách nhằm tiếp tục duy trì ổn định an ninh năng lượng, phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế đất nước trong 05 năm tới.

Thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện, cả nước đã có nhiều chuyển biến tích cực trong ý thức sử dụng điện theo hướng tiết kiệm và hiệu quả. Kết quả là, đã tiết kiệm được trên 9 tỷ kWh, tương đương 15.000 tỷ đồng, với mức tiết kiệm bình quân đạt 1,5% tổng điện năng tiêu thụ hàng năm. Đây là tiền đề quan trọng cho phép cả nước cần phải tiếp tục đẩy nhanh, mạnh việc cải thiện chất lượng sử dụng điện, coi tiết kiệm điện là một giải pháp then chốt để giảm thiểu nguy cơ thiếu điện trong giai

đoạn 2020 - 2025.

Vì những lý do trên, ngày 07 tháng 5 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 20/CT-TTg về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025, yêu cầu cả nước phải phấn đấu hằng năm tiết kiệm tối thiểu 2,0% tổng điện năng tiêu thụ.

Để góp phần vào nỗ lực chung của cả nước trong việc tiết kiệm điện đảm bảo mục tiêu của Thủ tướng Chính phủ đã đề ra tại Chỉ thị số 20/CT-TTg, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 như sau

## **I. Mục tiêu**

### **1. Mục tiêu chung**

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện và các quy định của pháp luật khác có liên quan đến việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Thúc đẩy sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, đưa chương trình tiết kiệm điện thành hoạt động thường xuyên trong đời sống xã hội trên địa bàn Thành phố, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Góp phần thực hiện thành công Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045, phấn đấu sản lượng điện tiết kiệm hàng năm chiếm  $\geq 2\%$  sản lượng điện thương phẩm.

Nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về sử dụng điện tiết kiệm trong mọi hoạt động của xã hội; giảm cường độ điện năng trong các ngành nghề, lĩnh vực kinh tế; đưa công tác tiết kiệm điện trở thành hoạt động thường xuyên đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và các ngành kinh tế tiêu thụ nhiều năng lượng; hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

Trong giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo mỗi năm tiết kiệm được tối thiểu 2% tổng điện năng tiêu thụ toàn Thành phố. Trong đó

- Mục tiêu tiết kiệm điện đối với khu vực sản xuất công nghiệp - xây dựng: tối thiểu là 2%.

- Mục tiêu tiết kiệm điện đối với khu vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: tối thiểu là 2%.
- Mục tiêu tiết kiệm điện đối với khu vực giao thông vận tải: tối thiểu là 2%.
- Mục tiêu tiết kiệm điện đối với khu vực thương mại, dịch vụ, du lịch: tối thiểu là 2%.
- Mục tiêu tiết kiệm điện đối với khu vực dân dụng: tối thiểu là 2%.

## **II. Nhiệm vụ và giải pháp, phân công thực hiện**

### **1. Đối với các cơ quan, công sở, tòa nhà, văn phòng, trường học, bệnh viện...**

#### **a) Nhiệm vụ và giải pháp**

- Phối hợp với Công ty Điện lực khu vực xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tiết kiệm điện giai đoạn 2021 - 2025 cho đơn vị mình, đảm bảo hằng năm tối thiểu tiết kiệm 5,0% tổng điện năng tiêu thụ trong năm.

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả quy định về sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa các trang thiết bị tiêu thụ điện tại cơ quan, đơn vị.

- Phổ biến, quán triệt Chỉ thị số 20/CT-TTg việc thực hiện tiết kiệm điện tới toàn thể người lao động, đưa nội dung tiết kiệm điện vào chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chấp hành kỷ luật nội bộ và thi đua khen thưởng hằng năm.

- Đôn đốc, rà soát và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy và các quy định hiện hành về tiết kiệm điện.

- Tận dụng và huy động các nguồn lực để lắp đặt và sử dụng hệ thống điện mặt trời trên mái nhà, hệ thống đun nước nóng từ năng lượng mặt trời để giảm tiêu thụ điện từ hệ thống điện quốc gia.

- Xây dựng và ban hành quy tắc về sử dụng điện tại công sở, văn phòng, trường học, bệnh viện v.v...;

#### **b) Phân công thực hiện**

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, chủ sở hữu, vận hành tòa nhà văn phòng, trường học, bệnh viện v.v..., tổ chức xây dựng và triển khai kế hoạch tiết kiệm điện tại đơn vị, theo đó đảm bảo tối thiểu mỗi năm tiết kiệm 5% tổng điện năng tiêu thụ trong năm.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, chủ sở hữu, vận hành tòa nhà văn phòng,

trường học, bệnh viện v.v..., ban hành và triển khai thực hiện quy chế tiết kiệm điện tại đơn vị.

2. Đối với các tổ chức, cá nhân quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng, chiếu sáng cho mục đích quảng cáo, trang trí ngoài trời, chiếu sáng giao thông.

a) Nhiệm vụ và giải pháp

- Các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống chiếu sáng cho mục đích quảng cáo, trang trí ngoài trời chủ trì, phối hợp với Công ty Điện lực khu vực xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tiết kiệm điện, theo đó, phải đảm bảo tối thiểu tiết kiệm 20% tổng điện năng tiêu thụ trong giai đoạn 2021 - 2025 cho các hoạt động chiếu sáng trên.

- Áp dụng các giải pháp quản lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chiếu sáng công cộng; thay thế các đèn trang trí, đèn chiếu sáng, đèn quảng cáo bằng đèn tiết kiệm điện; Áp dụng công nghệ điều khiển tự động trong chiếu sáng công cộng, chiếu sáng cho mục đích quảng cáo, trang trí ngoài trời.

- Triển khai các giải pháp công nghệ tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện cho 100% công trình chiếu sáng công cộng chuẩn bị đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp.

- Đẩy nhanh lộ trình thực hiện tự động hóa chiếu sáng theo khung thời gian và điều kiện thời tiết của các công trình chiếu sáng công cộng.

- Các nhà hàng, khách sạn, cơ sở dịch vụ thương mại, tổ hợp văn phòng và tòa nhà chung cư giảm 50% công suất chiếu sáng quảng cáo trang trí ngoài trời vào cao điểm buổi tối của hệ thống điện theo yêu cầu của Công ty Điện lực khu vực; tuân thủ các quy định về chiếu sáng tiết kiệm và hiệu quả, sẵn sàng cắt, giảm nhu cầu sử dụng điện khi có thông báo của Công ty Điện lực khu vực trong trường hợp xảy ra thiếu điện.

b) Phân công thực hiện

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các cơ quan, đơn vị liên quan đôn đốc, giám sát các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tiết kiệm điện, theo đó, phải đảm bảo tối thiểu tiết kiệm 20% tổng điện năng tiêu thụ trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức chủ

trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đơn đốc, giám sát các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng cho mục đích quảng cáo, trang trí ngoài trời xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tiết kiệm điện, theo đó, phải đảm bảo tối thiểu tiết kiệm 20% tổng điện năng tiêu thụ trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Tổng công ty Điện lực Thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức vận động các chủ nhà hàng, khách sạn, cơ sở dịch vụ thương mại, tổ hợp văn phòng và tòa nhà chung cư giảm 50% công suất chiếu sáng quảng cáo trang trí ngoài trời vào cao điểm buổi tối của hệ thống điện; sẵn sàng cắt, giảm nhu cầu sử dụng điện khi có thông báo của Công ty Điện lực khu vực trong trường hợp xảy ra thiếu điện.

### 3. Đối với các hộ gia đình

#### a) Nhiệm vụ và giải pháp

- Khuyến khích sử dụng các thiết bị điện được dán nhãn năng lượng theo Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện.

- Thường xuyên thực hành hành vi sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả tại gia đình như tắt các thiết bị điện khi ra khỏi phòng, cắt hẳn nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị điện; chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết; ưu tiên mua sắm các phương tiện, thiết bị điện hiệu suất cao hoặc thiết bị điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng; hạn chế tối đa sử dụng bóng đèn sợi đốt; lắp đặt và sử dụng hệ thống điện mặt trời trên mái nhà, hệ thống đun nước nóng từ năng lượng mặt trời.

#### b) Phân công thực hiện

- Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã - phường, thị trấn chủ trì, phối hợp với Công ty Điện lực khu vực thông qua các tổ chức đoàn thể, tổ dân phố thường xuyên tổ chức tuyên truyền sử dụng điện tiết kiệm; phổ biến quy định về phương tiện, thiết bị bắt buộc dán nhãn năng lượng đến các khách hàng sử dụng điện thuộc địa bàn quản lý.

- Tổng công ty Điện lực Thành phố chỉ đạo các Công ty Điện lực khu vực chủ trì, phối hợp với phường - xã thị trấn tổ chức hướng dẫn người dân thực hành hành vi sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả; tập huấn, hướng dẫn việc sử dụng các chế độ vận hành tiết kiệm điện đối với các thiết bị gia dụng tiêu thụ nhiều điện (tủ lạnh, điều hòa

không khí, bình nước nóng, máy giặt, hệ thống chiếu sáng v.v...,) đến từng hộ gia đình. Đồng thời vận động người dân lắp đặt và sử dụng hệ thống điện mặt trời trên mái nhà, hệ thống đun nước nóng từ năng lượng mặt trời.

#### 4. Đối với các cơ sở thương mại và dịch vụ

##### a) Nhiệm vụ và giải pháp

- Thực hiện các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả.
- Xây dựng và phổ biến thực hiện nội quy tiết kiệm điện của đơn vị cho khách hàng, nhân viên; phối hợp với Công ty Điện lực khu vực thực hiện việc giảm nhu cầu sử dụng điện khi có yêu cầu.
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người lao động, người quản lý, khách hàng, khách lưu trú tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, nhà hàng, cơ sở lưu trú về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả.
- Khuyến khích các cơ sở kinh doanh, dịch vụ lắp đặt và tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo vào hệ thống điện, năng lượng nội bộ, giảm nhu cầu điện của đơn vị từ nguồn điện lưới quốc gia.
- Cắt, giảm 50% công suất chiếu sáng quảng cáo trang trí ngoài trời vào thời gian cao điểm buổi tối của hệ thống điện theo yêu cầu của Công ty Điện lực khu vực; tuân thủ các quy định về chiếu sáng tiết kiệm và hiệu quả, sẵn sàng cắt, giảm nhu cầu sử dụng điện khi có thông báo của Công ty Điện lực khu vực trong trường hợp xảy ra thiếu điện.
- Xây dựng và ban hành quy tắc về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

##### b) Phân công thực hiện

- Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có văn bản yêu cầu các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quản lý xây dựng và triển khai kế hoạch tiết kiệm điện tại đơn vị, trong đó, nêu rõ mục tiêu tiết kiệm điện theo năm và giải pháp thực hiện để đạt được mục tiêu đó.
- Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phối hợp với Công ty Điện lực khu vực yêu cầu các nhà hàng, khách sạn, cơ sở dịch vụ thương mại...cắt, giảm 50% công suất chiếu sáng quảng cáo trang trí ngoài trời vào cao điểm buổi tối của hệ thống điện theo yêu cầu của Công ty Điện lực khu vực; tuân



thủ các quy định về chiếu sáng tiết kiệm và hiệu quả, sẵn sàng cắt, giảm nhu cầu sử dụng điện khi có thông báo của Công ty Điện lực khu-vực trong trường hợp xảy ra thiếu điện.

- Tổng công ty Điện lực Thành phố chỉ đạo các Công ty Điện lực khu vực thỏa thuận với các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quản lý về việc giảm nhu cầu sử dụng điện khi có yêu cầu.

**5. Đối với cơ sở công nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến, gia công sản phẩm hàng hóa, cơ sở chế tạo, sửa chữa phương tiện, thiết bị, cơ sở sản xuất tiêu thụ công nghiệp.**

**a) Nhiệm vụ và giải pháp**

- Xây dựng và thực hiện các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả như: đảm bảo sử dụng đúng công suất và biểu đồ phụ tải; thực hiện kế hoạch sản xuất hợp lý; hạn chế tối đa việc huy động các thiết bị, máy móc có công suất tiêu thụ điện lớn vào giờ cao điểm; hạn chế tối đa các thiết bị điện hoạt động không tải; đảm bảo giai đoạn 2021 - 2025 tiết kiệm ít nhất 2% điện năng tiêu thụ trên một đơn vị sản phẩm mỗi năm.

- Khuyến khích lắp đặt, tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió vào hệ thống năng lượng nội bộ; ưu tiên sử dụng các thiết bị được dán nhãn năng lượng hiệu suất cao.

- Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải tiết kiệm ít nhất 2% điện năng tiêu thụ trên một đơn vị sản phẩm mỗi năm, rà soát, chấn chỉnh việc chấp hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các văn bản quy phạm pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có liên quan.

- Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp là đối tượng điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật quy định về định mức tiêu hao năng lượng trên một đơn vị sản phẩm phải tuân thủ định mức tiêu hao năng lượng theo quy định.

- Xây dựng và triển khai quy tắc về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả tại các cơ sở sản xuất, chế biến, gia công sản phẩm hàng hóa, cơ sở chế tạo, sửa chữa phương tiện, thiết bị, cơ sở sản xuất tiêu thụ công nghiệp...

- Phát động phong trào về sáng kiến, cải tiến kỹ thuật về tiết kiệm điện tại các cơ sở sản xuất.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất tận dụng các nguồn năng lượng phát sinh

trong quá trình sản xuất như nhiệt thải phục vụ phát điện, tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo vào hệ thống điện, năng lượng nội bộ, giảm nhu cầu điện của đơn vị từ nguồn điện lưới quốc gia.

- Khuyến khích việc triển khai tiêu chuẩn quản lý sử dụng điện năng tại các cơ sở sản xuất.

#### b) Phân công thực hiện

- Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phối hợp với Công ty Điện lực khu vực có văn bản yêu cầu, hướng dẫn các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến, gia công hàng hóa, cơ sở chế tạo, sửa chữa phương tiện, thiết bị, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp v.v..., lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch tiết kiệm điện tại đơn vị, trong đó cần cụ thể hóa mục tiêu tiết kiệm điện hàng năm với các giải pháp, hoạt động, nguồn lực để đạt được mục tiêu đó.

- Sở Công Thương trên cơ sở báo cáo hàng năm của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm theo quy định tại thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định về việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng yêu cầu, đôn đốc những cơ sở chưa tuân thủ các quy định pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, cụ thể là cơ sở cần phải thiết lập hệ thống quản lý năng lượng nội bộ và thực hiện kiểm toán năng lượng, đảm bảo tiết kiệm ít nhất 2% điện năng tiêu thụ trên một đơn vị sản phẩm.

- Sở Công Thương theo dõi, đôn đốc các cơ sở sản xuất thuộc đối tượng điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật quy định mức tiêu hao năng lượng tuân thủ quy định về mức tiêu hao năng lượng trên một đơn vị sản phẩm.

### **III. Tổ chức thực hiện**

#### 1. Đối với các Sở, ban, ngành thuộc Thành phố

- Thực hiện các nội dung được phân công tại Mục II của Kế hoạch này.

- Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng tiết kiệm điện năng hàng năm của cơ quan, đơn vị theo Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025.

- Xây dựng và tổ chức công bố rộng rãi định kỳ kết quả thực hiện tiết kiệm điện của các tổ chức, đơn vị trực thuộc.

- Khi cải tạo hoặc lắp mới, cần mua sắm các thiết bị có hiệu suất sử dụng điện cao, tiết kiệm năng lượng, thiết bị có dán nhãn năng lượng.

- Phổ biến tuyên truyền Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025, quán triệt việc thực hiện tiết kiệm điện tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc, đưa nội dung tiết kiệm điện vào chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chấp hành kỷ luật nội bộ và thi đua khen thưởng hàng năm của cơ quan, đơn vị.

## 2. Sở Công Thương

- Thực hiện các nội dung được phân công tại Mục II của Kế hoạch này.

- Hướng dẫn các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nghiêm các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát, áp dụng chế tài xử phạt đối với các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức không thực hiện nghiêm các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả nói chung và sử dụng điện tiết kiệm nói riêng.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch này.

## 3. Sở Xây dựng

- Thực hiện các nội dung được phân công tại Mục II của Kế hoạch này.

- Khi thực hiện thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình theo thẩm quyền, tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 09:2017/BXD về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng và khuyến cáo lắp đặt các thiết bị điện hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

## 4. Sở Giao thông vận tải

- Có văn bản Chỉ đạo các cơ đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, các tổ chức có liên quan thực hiện các biện

pháp và quy định về tiết kiệm điện liên quan đến lĩnh vực do Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn Thành phố.

#### 5. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Có văn bản Chỉ đạo các cơ đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, các tổ chức có liên quan thực hiện các biện pháp và quy định về tiết kiệm điện liên quan đến lĩnh vực do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên địa bàn Thành phố.

#### 6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Nghiên cứu đề xuất các ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thúc đẩy việc chuyển đổi công nghệ, thiết bị, máy móc phương tiện, vật liệu, nguyên, nhiên liệu theo hướng tiết kiệm điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn.

- Chủ trì và triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo như Năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học và các giải pháp kỹ thuật để việc thực hiện công tác tiết kiệm trong sử dụng điện đem lại hiệu quả cao.

#### 7. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và cơ quan, đơn vị liên quan đưa nội dung tiết kiệm điện thành tiêu chí xét thi đua khen thưởng hàng năm.

#### 8. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy chỉ đạo các cơ quan báo chí Thành phố xây dựng kế hoạch, định hướng tuyên truyền nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giải pháp tiết kiệm điện; Tăng cường thời lượng, chuyên trang tuyên truyền về các thông tin về các hoạt động tiết kiệm điện trên địa bàn Thành phố;

- Đẩy mạnh tuyên truyền về trách nhiệm của các các tổ chức, cá nhân tham gia tiết kiệm điện, chú trọng phát hiện tôn vinh và nhân rộng những gương điển hình về

tiết kiệm điện; Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền các nội dung qua hệ thống thông tin cơ sở bằng nhiều hình thức phù hợp, hiệu quả.

Trên cơ sở các nội dung cần tuyên truyền, do các Sở Ngành chức năng có liên quan cung cấp, Sở Thông tin và truyền thông chỉ đạo báo chí Thành phố thông tin kịp thời, đúng.

#### 9. Sở Giáo dục đào tạo

- Phối hợp, tạo điều kiện để Tổng công ty Điện lực Thành phố thực hiện chương trình tuyên truyền tiết kiệm điện trong trường học, dành thời gian hợp lý trong các chương trình ngoại khóa để phổ biến nội dung về cách sử dụng điện tiết kiệm, an toàn và hiệu quả.

- Có văn bản yêu cầu các Trường học, các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện theo quy định tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Kế hoạch này.

#### 10. Sở Y tế

Có văn bản yêu cầu các bệnh viện, các cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện theo Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Kế hoạch này.

#### 11. Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức

- Thực hiện các nội dung được phân công tại Mục II của Kế hoạch này.

- Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng tiết kiệm điện hàng năm của cơ quan, đơn vị trực thuộc theo Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025.

- Có văn bản yêu cầu các Trường học thuộc địa bàn quản lý triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện theo Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Kế hoạch này.

- Yêu cầu Cơ quan điện lực sở tại báo cáo tình hình cung cấp điện và tình hình sử dụng điện của các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị thuộc địa bàn cung cấp điện định kỳ hàng quý/năm để có căn cứ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp

tiết kiệm điện và tổ chức công bố rộng rãi định kỳ kết quả thực hiện tiết kiệm điện của các tổ chức, đơn vị trực thuộc.

- Phổ biến, tuyên truyền Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025, quán triệt việc thực hiện tiết kiệm điện tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc, đưa nội dung tiết kiệm điện vào chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chấp hành kỷ luật nội bộ và thi đua khen thưởng hàng năm của cơ quan, đơn vị.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn giám sát chặt chẽ thời gian bật, tắt đèn chiếu sáng dân lập hợp lý từ 18 giờ 30 phút ngày hôm trước đến 5 giờ 30 phút ngày hôm sau.

12. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Nam, Ban Quản lý Khu Đô thị Tây Bắc, Ban Quản lý Khu Đô thị mới Thủ Thiêm và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

- Tổ chức tuyên truyền Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025 đến từng doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

- Có văn bản yêu cầu các cơ sở sản xuất công nghiệp v.v..., thuộc phạm vi quản lý lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch tiết kiệm điện tại đơn vị, trong đó cần cụ thể hóa mục tiêu tiết kiệm điện hàng năm với các giải pháp, hoạt động, nguồn lực để đạt được mục tiêu đó.

- Vận động, khuyến khích các doanh nghiệp lắp đặt máy nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời, lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái nhà; tận dụng các nguồn năng lượng phát sinh trong quá trình sản xuất như nhiệt thải phục vụ phát điện; tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo vào hệ thống điện, năng lượng nội bộ, giảm nhu cầu điện của đơn vị từ nguồn điện lưới quốc gia.

13. Tổng công ty Điện lực Thành phố

- Thực hiện các nội dung được phân công tại Mục II của Kế hoạch này.

- Phối hợp với Đài Truyền hình Thành phố, Đài Phát thanh Thành phố đưa tin định kỳ trên sóng phát thanh, truyền hình để tuyên truyền về nội dung “tiết kiệm điện”.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ủy ban nhân dân thành phố

Thủ Đức thống kê kết quả thực hiện kế hoạch tiết kiệm điện của doanh nghiệp, tổ chức thuộc địa bàn cung cấp điện.

- Thực hiện nghiêm các quy định về tiết kiệm điện trong phân phối. Thực hiện các giải pháp quản lý, kỹ thuật, đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện đảm bảo đạt được các tiêu chí về giảm tổn thất theo quy định hiện hành.

- Thực hiện phương thức vận hành ổn định, an toàn trong hệ thống điện; bố trí kế hoạch sửa chữa lưới điện hợp lý; tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, nâng cao năng lực khai thác thiết bị; hạn chế sự cố, giảm tổn thất điện năng; huy động một cách hợp lý công suất và điện năng các nguồn điện dự phòng của khách hàng.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ban hành Quy tắc về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

#### 14. Chế độ báo cáo

- Các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương.

- Tổng công ty Điện lực Thành phố định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch, lượng điện năng tiết kiệm trong năm và lũy kế giai đoạn 2021 - 2025 theo từng khu vực sử dụng điện quy định tại khoản 1, Mục I của Kế hoạch này, báo cáo Sở Công Thương.

- Sở Công Thương có trách nhiệm tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Công Thương.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3637/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình  
tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn  
Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4168 /TTr-SNV ngày 24 tháng 9 năm 2021 và Tờ trình số 4435/TTr-SNV ngày 07 tháng 10 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030.

**Điều 2.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn



vị và Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3637/QĐ-UBND*

*ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

### **I. TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT QUAN ĐIỂM**

1. Quán triệt chủ trương của Đảng về cải cách hành chính là một trong những đột phá để phát triển đất nước nói chung và của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng; gắn cải cách hành chính đồng bộ với các nhiệm vụ cải cách trong các lĩnh vực khác và với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, góp phần xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và giữ ổn định an ninh, trật tự, an toàn xã hội của Thành phố.

2. Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp của Thành phố; có sự giám sát, phản biện của Hội đồng nhân dân Thành phố, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và hệ thống tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

3. Các nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và gắn với công tác dân vận của cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp; thực hiện dân chủ ở cơ sở, nơi công tác; phát huy thực hiện phong trào thi đua yêu nước về chủ đề cải cách hành chính, góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, của đất nước theo từng giai đoạn.

4. Cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; tận dụng có hiệu quả thành tựu, tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với lộ

trình, bước đi phù hợp, tránh mọi biểu hiện bàng quan, thiếu tự tin, thụ động, nhưng không nóng vội, chủ quan, duy ý chí.

5. Cải cách hành chính phải kế thừa, phát huy những thành tựu đã đạt được trong cải cách hành chính nhà nước giai đoạn vừa qua; tiếp thu những kinh nghiệm, những bài học thành công trong cải cách của các nước có nền hành chính phát triển để vận dụng vào thực tiễn một cách phù hợp.

## II. NỘI DUNG

Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Thành phố tập trung vào 6 nội dung, đó là: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách thủ tục hành chính; (3) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; (4) Cải cách chế độ công vụ; (5) Cải cách tài chính công; (6) Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Trọng tâm cải cách hành chính 10 năm tới là: Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, gương mẫu, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của Thành phố; tổ chức chính quyền đô thị, hoàn thiện chính quyền điện tử, chính quyền số, xây dựng Thành phố trở thành đô thị thông minh.

## III. MỤC TIÊU CHUNG

Xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn 2021 - 2030.

## IV. MỤC TIÊU CỤ THỂ

### 1. Giai đoạn 2021 - 2025

#### 1.1. Cải cách thể chế

- Hoàn thiện thể chế về tổ chức chính quyền đô thị và tiếp tục nghiên cứu xây dựng hoàn thiện thể chế về sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư phù hợp với đặc điểm của Thành phố.

- Cơ bản hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính nhà nước, trọng tâm là

thế chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển.

- Tiếp tục hoàn thiện thế chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường; tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Hoàn thiện thế chế và các khung pháp lý để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số.

### ***1.2. Cải cách thủ tục hành chính***

- Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Trên 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

- Trên 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

- Năm 2022, số hóa kết quả và hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%. Giai đoạn 2023 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Đến năm 2025, có 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 được cung cấp trên Cổng dịch vụ công Thành phố. Trong đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt trên 50%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính

đạt trên 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt trên 90%.

- 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

- Trên 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

### ***1.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước***

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và tổ dân phố, khu phố, áp theo tiêu chuẩn quy định.

- Giảm tối thiểu bình quân 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt trên 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt trên 95%.

### ***1.4. Cải cách chế độ công vụ***

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Thành phố ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực có đức, có tài, ngang tầm với nhiệm vụ phát triển Thành phố, đất nước.

### ***1.5. Cải cách tài chính công***

- Đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước theo hướng bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách Thành phố và chủ động, tích cực của ngân sách địa phương.

- Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành

chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư so với năm 2020.

### ***1.6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số***

- 100% cơ sở dữ liệu Thành phố tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc.

- Đến năm 2022, Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Thành phố được kết nối, chia sẻ dữ liệu đầy đủ thủ tục hành chính với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

- 80% các hệ thống thông tin của Thành phố có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

- 100% hệ thống báo cáo của Thành phố được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- Xây dựng, triển khai Hệ thống phục vụ hợp và xử lý công việc Thành phố liên thông, tích hợp Hệ thống phục vụ hợp và xử lý công việc Chính phủ và sở, ban, ngành, quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp Thành phố, cấp huyện và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Chỉ số phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index) của Thành phố trong nhóm 03 địa phương dẫn đầu cả nước.

- 100% cơ quan, đơn vị đang ứng dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu

chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước hoàn tất việc chuyển đổi sang Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

## **2. Giai đoạn 2026 - 2030**

### ***2.1. Cải cách thể chế***

Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ và vận hành có hiệu quả thể chế của nền hành chính hiện đại, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển Thành phố.

### ***2.2. Cải cách thủ tục hành chính***

- 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 được cung cấp trên Cổng dịch vụ công Thành phố, có trên 90% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt trên 80%.

- 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt từ 97%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt trên 95%.

### ***2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước***

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp phù hợp đối với các tổ chức nội bộ của từng cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt trên 97%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt trên 97%.

### ***2.4. Cải cách chế độ công vụ***

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ: 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương, trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương, 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

### ***2.5. Cải cách tài chính công***

- Thực hiện đầy đủ và đồng bộ hệ thống pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

### ***2.6. Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số***

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động thông minh.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tối thiểu 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

- Chỉ số phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index) của Thành phố dẫn đầu cả nước.

- 100% cơ quan, đơn vị đang áp dụng, tiếp tục duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

## **V. NỘI DUNG CỤ THỂ**

### **1. Công tác cải cách thể chế**

a) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố đầy đủ, đồng bộ; đẩy mạnh thể chế hóa các quy định của Trung ương, nội



dung Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố vào quá trình đổi mới công tác điều hành, quản lý Thành phố, trong đó chú trọng các quy định về phân cấp, ủy quyền giữa các cấp chính quyền.

b) Xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

- Hoàn thiện các quy định để phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, các yếu tố thị trường và các loại thị trường, bảo đảm tất cả người dân, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh theo quy định pháp luật; thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hoàn thiện quy định về thu hút đầu tư, huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và thể chế về phân phối kết quả làm ra để giải phóng sức sản xuất, tạo động lực và nguồn lực cho tăng trưởng, phát triển.

- Hoàn thiện quy định về đất đai, tài nguyên để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khắc phục tình trạng tranh chấp, khiếu kiện, tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực này. Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng đất công; tăng cường giám sát, quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất giao cho các cộng đồng và doanh nghiệp nhà nước.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phát triển mạnh mẽ thị trường khoa học và công nghệ gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

- Xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý, thử nghiệm cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, kinh tế số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử, khởi nghiệp sáng tạo,...

c) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật:

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình lập quy theo hướng chặt chẽ, khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp, áp dụng kỹ thuật lập pháp tiến bộ trong soạn thảo; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên môn của các hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học và tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, tính nhất quán, ổn định và dự đoán được của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được giao đơn vị chủ trì soạn thảo, đảm bảo theo đúng tiến độ và thời gian quy định.

d) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật:

- Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại các sở, ngành, địa phương.

- Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

- Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

- Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

đ) Xây dựng Đề án nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật và đội ngũ pháp chế của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

## **2. Công tác cải cách thủ tục hành chính**

a) Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, quy hoạch, đầu tư, kinh doanh, lao động - việc làm, y tế, giáo dục, tư pháp-nội chính, nội vụ... và các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn. Tuyệt đối không ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện, văn bản phối hợp liên tịch có quy định thủ tục hành chính ngoài quy định.

b) Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính:

- Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; đề xuất, kiến

ngiht loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số để chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có; cung cấp các tiện ích thông minh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khi giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

- Kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý, bảo đảm thực chất. Tổ chức triển khai có kết quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

- Các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cần chủ động, đẩy mạnh cải cách hoạt động theo hướng tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước; ứng dụng tối đa các hệ thống công nghệ thông tin để đơn giản hóa, hiện đại hóa thủ tục kiểm tra, bảo đảm minh bạch thông tin; áp dụng đầy đủ, hiệu quả phương pháp kiểm tra tiên tiến, phương pháp quản lý rủi ro phù hợp với thông lệ quốc tế, Công ước, Hiệp định quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia.

- Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

c) Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai thủ tục hành chính với nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Vận hành, khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

d) Hoàn thành đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức tốt việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý; giảm tỷ lệ trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ; nghiêm túc thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn. Thường xuyên theo dõi, chấn chỉnh tác phong, lề lối và thái độ làm việc của công chức tại Bộ phận một cửa các cấp; xây dựng hình ảnh đội ngũ công chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ nhân dân.

đ) Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào

sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho Nhân dân.

e) Đẩy mạnh nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, thông qua tăng cường đối thoại, lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp.

g) Trong năm 2022, hoàn thành kết nối Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa của Thành phố với hệ thống thông tin một cửa quốc gia và Cổng Dịch vụ công quốc gia; đẩy mạnh thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành và thanh toán các khoản phí liên quan đến kiểm tra chuyên ngành trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Vận hành có hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

### **3. Công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

a) Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện theo quy định của Trung ương:

- Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

- Sắp xếp, giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

- Kiện toàn sắp xếp về cơ cấu tổ chức nội bộ của cơ quan, đơn vị, chú trọng kiện toàn, sắp xếp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống văn phòng, phòng hành chính, phòng hành chính - tổ chức thuộc cơ quan, đơn vị và đơn vị trực thuộc.

b) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về tổ chức chính quyền địa phương theo hướng phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn:

- Tổ chức kiện toàn tổ chức bộ máy theo quy định Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc

sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Triển khai nghiên cứu và thực hiện Đề án chuyển một số huyện thành quận giai đoạn 2021 - 2030.

- Thực hiện sắp xếp, sáp nhập tổ dân phố, khu phố, ấp phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của tổ dân phố, khu phố, ấp.

c) Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Rà soát, thực hiện các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng ngành, lĩnh vực; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các lĩnh vực: y tế; giáo dục và đào tạo; lao động, thương binh và xã hội; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông.

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

- Nghiên cứu, ban hành các biện pháp đổi mới phương thức quản lý, tổ chức và hoạt động để nâng cao năng lực quản trị. Thực hiện thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Tăng cường phân cấp, ủy quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các quận, huyện, thành phố Thủ Đức;

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về ủy quyền quản lý giữa cơ quan, cá nhân có thẩm quyền với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền cấp dưới.

- Ban hành cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phân cấp. Triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực

hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

đ) Tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước theo từng ngành, lĩnh vực quản lý. Triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

e) Thường xuyên kiểm tra về công tác tổ chức bộ máy tại một số cơ quan, đơn vị để kịp thời chấn chỉnh những việc thực hiện chưa tốt và nhân rộng cách làm hay.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

a) Thực hiện sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, bảo đảm đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của Thành phố trong giai đoạn mới.

- Triển khai thực hiện các quy định về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. Nghiên cứu, triển khai quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, chính sách để giảm tỷ lệ người phục vụ trong từng cơ quan, nhất là khối văn phòng.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

b) Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu. Thường xuyên cập nhật, bổ sung đề án vị trí việc làm của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trực thuộc đã được phê duyệt; đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa công chức giữ chức vụ lãnh đạo và công chức không giữ chức vụ lãnh đạo.

c) Tiếp tục mở rộng và triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng và tương đương.

d) Nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công

chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

đ) Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo hướng đầy mạnh tự chủ.

e) Hoàn thiện quy định về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; xây dựng và ban hành quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

g) Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm; tập trung bồi dưỡng các kỹ năng chuyên sâu về quản lý nhà nước, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định về tiêu chuẩn chức danh, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý đương nhiệm và nguồn quy hoạch, bảo đảm không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát, cắt giảm các chứng chỉ bồi dưỡng không cần thiết.

h) Đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

i) Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững. Tham gia xây dựng và triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài giai đoạn 2021 - 2030; Đề án phát triển tài năng trẻ và lãnh đạo tương lai của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2025.

k) Đẩy mạnh rà soát, đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm để tăng cường củng cố, kiện toàn công tác cán bộ, đảm bảo đội ngũ cán bộ, công chức phải thực sự liêm chính, có đạo đức, phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và tính chiến đấu cao. Thực hiện đúng quy định về cán bộ nữ.

l) Thường xuyên thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm.

## **5. Công tác cải cách tài chính công**

a) Thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên cơ sở cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

b) Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính; tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực.

c) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của các cơ quan trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Kịp thời triển khai các giải pháp để thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

đ) Thực hiện cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định pháp luật, bao gồm các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung; thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập.

- Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của các cấp chính quyền Thành phố.

- Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự



ng nghiệp công.

e) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ...

- Ban hành các chính sách khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ).

- Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

g) Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp nhà nước.

h) Tăng cường các giải pháp đẩy nhanh công tác giải ngân đầu tư công các nguồn vốn của Ngân sách Thành phố để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, góp phần thực hiện chiến lược đầu tư phát triển của Thành phố đến năm 2030.

i) Tăng cường các giải pháp quản lý nợ chính quyền địa phương của Thành phố để đảm bảo cân đối nhu cầu vay, trả nợ vay các nguồn đầu tư cho sự phát triển của Thành phố.

k) Đảm bảo kinh phí thực hiện các giải pháp cải cách hành chính và trang bị cơ sở vật chất, thiết bị để đảm bảo thực hiện cơ chế một cửa, bố trí bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt chuẩn về diện tích và hiện đại.

l) Đầu tư trang bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho các hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức nhằm giải quyết nhu cầu chính đáng, hợp pháp của người dân, doanh nghiệp khi đến liên hệ công tác, giải quyết thủ tục hành chính.

m) Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án điều chỉnh tỷ lệ điều tiết ngân sách cho Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn 2026 - 2030 để tăng thu ngân sách Trung ương và tạo tiền đề để Thành phố phát triển nhanh, bền vững.

## **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

a) Hoàn thiện môi trường pháp lý:

- Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý của Thành phố hỗ

trợ xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chính quyền số các cấp.

- Ban hành quy định về định danh và xác thực điện tử, hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số trên địa bàn Thành phố.

- Xây dựng các chính sách, quy định pháp lý về thuế, phí nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.

b) Phát triển hạ tầng số quốc gia:

- Phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, đô thị thông minh tại Thành phố.

- Phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh tại Thành phố.

- Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh tại Thành phố.

c) Phát triển hệ thống nền tảng:

- Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố (LGSP) đảm bảo nhiệm vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của sở, ban, ngành, địa phương; liên thông kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị trên địa bàn Thành phố phục vụ công tác tác nghiệp và chỉ đạo điều hành.

- Xây dựng Nền tảng IoT Thành phố, triển khai thí điểm việc tích hợp dữ liệu IoT trên một số dữ liệu hiện có của Thành phố như giao thông, môi trường...

- Xây dựng Nền tảng trí tuệ nhân tạo, khai thác dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố với các phương pháp học máy, khai phá dữ liệu.

- Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong đô thị thông minh của Thành phố.

d) Phát triển dữ liệu:

- Tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và phát triển Hệ sinh thái dữ liệu mở thuộc Đề án xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và Quy chế tích hợp, quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố. Tập trung triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu người dân (bao gồm dân cư và hộ tịch), bao gồm tạo lập cơ sở dữ liệu đầu kỳ và xây dựng phương án, triển khai các hệ thống ứng dụng nhằm duy trì, cập nhật dữ liệu. Trên cơ sở đó sẽ phát triển mở rộng tích hợp các dữ liệu liên quan đến người dân như y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội; thực hiện chỉnh lý biến động bản đồ địa chính, xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai Thành phố; triển khai bản đồ số dùng chung của Thành phố và tổ chức xây dựng các lớp dữ liệu chuyên ngành trên nền bản đồ dùng chung của Thành phố.

- Mở rộng, hoàn thiện Công dữ liệu mở của Thành phố nhằm cung cấp, chia sẻ tài nguyên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp sử dụng, giúp doanh nghiệp và người dân chủ động tìm kiếm, sử dụng, cập nhật dữ liệu và thông tin để phục vụ cho cuộc sống, công việc kinh doanh và đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng sống, và khuyến khích người dân tích cực tham gia giám sát, quản lý các mặt hoạt động của chính quyền, xã hội.

- Xây dựng hệ thống quản lý, điều hành và khai thác văn bản, bảo đảm kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử qua tất cả các cấp chính quyền của Thành phố, kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia và các nguồn văn bản hành chính của các cơ quan nhà nước. Đẩy mạnh việc số hóa và sử dụng dữ liệu có hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, các hồ sơ điện tử về dịch vụ công cần được quản lý bằng các hệ thống quản lý hồ sơ. Các loại công văn giấy tờ hành chính cần được hỗ trợ khai thác, sử dụng bởi các hệ thống khai thác văn bản.

- Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp Thành phố nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

#### đ) Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan

nhà nước theo quy định.

- Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

- Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước.

- Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ điện tử tại Thành phố.

e) Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

- Phát triển, hoàn thiện cổng Dịch vụ công Thành phố, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Thành phố để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên cổng Dịch vụ công quốc gia. Thực hiện triển khai dịch vụ công trực tuyến kết hợp với dịch vụ nhận và chuyển phát hồ sơ qua bưu điện; phát triển dịch vụ công trực tuyến trên thiết bị thông minh.

- Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và cổng tham vấn điện tử theo Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

- Phát triển, tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Hoàn thiện, kết nối liên thông các phần mềm quản lý văn bản và điều hành nội bộ để bảo đảm thông suốt trong việc thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng và các nội dung khác theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

- Đảm bảo 100% cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử Thành phố để thực hiện trao đổi thông tin, giao dịch hành chính điện tử một cách có hiệu quả trong nội bộ

từng cơ quan và giữa các cơ quan nhà nước với nhau.

g) Xây dựng, phát triển đô thị thông minh bền vững tại Thành phố:

- Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

- Tập trung triển khai thực hiện: xây dựng và vận hành Kho dữ liệu dùng chung và phát triển Hệ sinh thái dữ liệu mở; Trung tâm điều hành đô thị thông minh Thành phố; Trung tâm mô phỏng và dự báo kinh tế - xã hội Thành phố; Trung tâm An toàn thông tin của Thành phố; triển khai xây dựng chính quyền điện tử trong thời kỳ chuyển đổi số, chuyển đổi dần chính quyền điện tử sang chính quyền số để phù hợp với vai trò của chính quyền quản lý đô thị thông minh.

h) Tiếp tục ứng dụng và duy trì ứng dụng Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam TCVN ISO 9001 vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

## **VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện cải cách hành chính từ Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đến các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của Cơ quan Thường trực cải cách hành chính của Thành phố và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính trong Kế hoạch. Có cơ chế phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính để bảo đảm Kế hoạch được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch. Gắn

việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Chú trọng công tác thi đua, khen thưởng và phê bình, kỷ luật trong cải cách hành chính.

**2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.**

Cải cách hành chính không chỉ là công việc riêng của hệ thống hành chính, mà là yêu cầu chung của toàn xã hội; cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin để cán bộ, công chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính của Đảng, Nhà nước. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Cần phải tiếp tục sử dụng công cụ, biện pháp thiết thực để phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, như tăng cường lấy ý kiến người dân đối với việc xây dựng thể chế, chính sách, đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

**3. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính.**

Huy động và bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Nâng cao năng lực nghiên cứu và chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của các sở, ngành, địa phương. Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

**4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.**

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đặc biệt trong đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân. Tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức,

đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác cải cách hành chính bằng nhiều giải pháp mang tính đột phá, như: Đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến nâng cao lợi ích của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng chính sách lương, thưởng thỏa đáng; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc; cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện cải cách hành chính.

Lấy kết quả đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính hàng năm là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

**5. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức.**

Hoàn thiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của cơ quan hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan hành chính theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá.

Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, trên các nội dung quản lý nhà nước khác nhau, như ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công... của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính cho chính quyền các cấp.

**6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, phương pháp quản lý mới, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.**

**7. Triển khai, hoàn thành những nhiệm vụ trọng tâm trong những tháng còn lại của năm 2021 và các năm tiếp theo (có danh mục kèm theo).**

## **VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách trung ương để triển khai Kế hoạch.

## VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện có trách nhiệm:**

a) Xây dựng kế hoạch cải cách hành chính để triển khai thực hiện Kế hoạch, bảo đảm đúng lộ trình cải cách hành chính của Thành phố. Căn cứ điều kiện cụ thể, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động lấy ý kiến cấp ủy cùng cấp về xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 05 năm 2021 - 2025 hoặc cả giai đoạn 2021 - 2030. Cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước, giai đoạn 2021 - 2030 vào Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm tại các sở, ban, ngành, quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

b) Lập dự toán kinh phí để thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án và nhiệm vụ cải cách hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của sở, ban, ngành, địa phương.

c) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Sở Nội vụ tình hình thực hiện Kế hoạch theo hướng dẫn của Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Nội vụ.

d) Bảo đảm chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

**2. Giao các sở, ngành chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp triển khai các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực:**

- Công tác cải cách thể chế: Sở Tư pháp; các Sở chuyên ngành thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực phụ trách.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố



Hồ Chí Minh; các Sở chuyên ngành thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực phụ trách.

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Sở Nội vụ.

- *Cải cách chế độ công vụ và cải cách chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức: Sở Nội vụ.*

- Công tác cải cách tài chính công: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ.

- Công tác xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

### **3. Sở Nội vụ**

a) Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hàng năm.

d) Thẩm định các đề án thí điểm cải cách hành chính do các sở, ban, ngành, địa phương thuộc Thành phố, xây dựng báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ theo thẩm quyền.

đ) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện xây dựng báo cáo cải cách hành chính hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Kế hoạch.

e) Kiểm tra, khảo sát và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Nội vụ hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất.

g) Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện.

h) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

i) Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công

chức thực hiện công tác cải cách hành chính ở các các sở, ban, ngành, địa phương. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi học tập kinh nghiệm để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng đối với đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, địa phương.

k) Đến năm 2025 tiến hành sơ kết; đến năm 2029 tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này.

**4. Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố, Báo Sài Gòn Giải phóng, Cổng thông tin điện tử Thành phố (HCM Cityweb), Trung tâm Báo chí Thành phố thuộc Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tin, báo chí trên địa bàn Thành phố:** xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền kế hoạch và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp.

Kế hoạch này được cụ thể, chi tiết hóa vào Kế hoạch công tác cải cách hành chính hàng năm của Thành phố. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện có văn bản gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Phụ lục**

**Một số nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm năm 2021  
và những năm tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Kèm theo Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
<b>I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b>				
1	<p>- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 tại đơn vị để triển khai thực hiện, trên cơ sở bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính được giao tại Kế hoạch này; trong đó, các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính phải cụ thể, khả thi, có tính định lượng và xác định rõ kết quả, sản phẩm đầu ra theo lộ trình hàng năm, gắn với trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện.</p> <p>- Triển khai quán triệt việc thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP, Chỉ thị số 23/CT-TTg; Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030, với các hình thức phù hợp, đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.</p>	Tháng 10/2021	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Sở Nội vụ
2	Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiên quyết xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật kỷ cương hành chính, tham nhũng, tiêu cực	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Sở Nội vụ

STT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	và gây phiền hà cho nhân dân.			
3	Đẩy mạnh tuyên truyền về ý nghĩa, mục tiêu, nội dung và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP, Chỉ thị số 23/CT-TTg; Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030, với nhiều hình thức đa dạng, nội dung phong phú và phù hợp với từng nhóm đối tượng.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông
4	Triển khai công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính. Hàng năm, xây dựng, triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
5	Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở Thông tin và Truyền thông	Cơ quan báo chí
6	Theo dõi, phối hợp triển khai và tổng hợp kết quả thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước theo dữ liệu và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố	Sở Nội vụ
<b>II. VỀ CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>				
1	Triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
2	Đề cao trách nhiệm người đứng đầu, trực tiếp chỉ đạo công tác phối hợp, xây dựng, hoàn thiện pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng,	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Sở Tư pháp

STT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đẩy nhanh tiến độ soạn thảo, trình, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khắc phục tình trạng xin lùi thời hạn trình, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.			
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật. Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.</li> <li>- Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.</li> <li>- Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.</li> </ul>	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Sở Tư pháp
<b>III. VỀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>				
1	Rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính thực hiện không hiệu quả (không có hồ sơ phát sinh hoặc là rào cản, tốn kém chi phí người dân, doanh nghiệp,...).	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Văn phòng UBND Thành phố Hồ Chí Minh
2	Tăng tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được cung cấp trên Cổng dịch vụ công Thành phố; tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được tích hợp Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Văn phòng UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
3	Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Văn phòng UBND Thành phố Hồ Chí Minh và các

STT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
				cơ quan liên quan
4	Triển khai công tác rà soát, tái cấu trúc quy trình, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai, kết quả giải quyết thủ tục hành chính để tạo điều kiện nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Văn phòng UBND Thành phố Hồ Chí Minh
5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 chỉ đạo theo ngành dọc của các cơ quan Trung ương và theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố</li> <li>- Mở rộng việc thực hiện và phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, liên thông điện tử và giải quyết thủ tục hành chính có liên quan theo Cơ chế Một cửa quốc gia.</li> </ul>	2021 -2030	Cục Hải quan Thành phố, Cục Thuế Thành phố, Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Kho bạc Thành phố, Bảo hiểm xã hội Thành phố, Bưu điện Thành phố, Sở Ngoại vụ Thành phố, Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Thành phố	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
6	Triển khai Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Văn phòng UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện

#### IV. VỀ CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

STT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Tiếp tục hoàn thiện tổ chức kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị quyết số 131/2020/QH14 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Hoàn thành trong quý IV/2021 và các năm tiếp theo	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Sở Nội vụ
2	Hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bên trong của các cơ quan, đơn vị bảo đảm các tiêu chí về thành lập tổ chức theo quy định của Chính phủ.	Hoàn thành trong quý IV/2021	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Sở Nội vụ
3	Tham mưu đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và triển khai các giải pháp trọng tâm, thiết thực và khả thi để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phân cấp quản lý nhà nước giữa trung ương và địa phương đối với từng ngành, lĩnh vực. Bảo đảm khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.	Hoàn thành trong quý IV/2021	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
4	Rà soát, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ y tế; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.	2021-2030	Sở Y tế	
5	Xây dựng và thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công.	2021-2030	Sở Y tế	
6	Rà soát, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	2021-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	
7	Rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường, lớp mầm non, phổ thông đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động của ngành theo	2021-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	

STT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	ting thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017, Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.			
8	Xây dựng và thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.	2021-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	
9	Rà soát, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục nghề nghiệp; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.	2021-2030	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính, Sở Nội vụ
10	Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nội dung và mức chi thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo Thành phố giai đoạn 2021-2025.	2021-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Sở Tài chính
<b>V. VỀ CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>				
1	Hoàn thiện và ban hành quyết định vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ.	Quý II/2022	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Sở Nội vụ
2	Phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ.	Năm 2022	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Sở Nội vụ
<b>VI. VỀ CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>				
1	Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các sở, ban, ngành Thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức,



STT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
				quận, huyện
2	Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
3	Tăng cường chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công và thực hiện các nhiệm vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Sở Tài chính
4	Theo dõi, đôn đốc các đơn vị có liên quan triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
5	Trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí từ ngân sách trung ương cho các đề án trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm về cải cách hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nội vụ
6	Thẩm định, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại và Văn kiện chương trình, dự án, phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Thành phố thực hiện Kế hoạch này.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
7	Thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với người lao động trong các loại hình doanh nghiệp, chính sách bảo hiểm xã hội và ưu đãi người	2021-2030	Sở Lao động - Thương binh và	Sở Tài chính,

STT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	có công; triển khai cải cách chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức.		Xã hội	Sở Nội vụ
8	Nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền để đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; khảo sát và đánh giá hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập để lập quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn Thành phố.	2021-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính
9	- Đề xuất, tham mưu thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa hiện hành; ban hành các văn bản mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao phù hợp với điều kiện của Thành phố. - Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao.	2021-2030	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Tài chính và UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
10	- Đề xuất, tham mưu thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa hiện hành; ban hành các văn bản mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các hoạt động du lịch phù hợp với điều kiện của Thành phố. - Trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong lĩnh vực du lịch.	2021-2030	Sở Du lịch	Sở Tài chính và UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
11	Theo dõi, đôn đốc các đơn vị có liên quan triển khai Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Thành ủy theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 25	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện

STT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	tháng 01 năm 2019 Ủy ban nhân dân Thành phố.			
12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý.</li> <li>- Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của pháp luật.</li> <li>- Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý.</li> </ul> (Thực hiện nhiệm vụ tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ).	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Sở Tài chính
<b>VII. VỀ XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ</b>				
1	Xây dựng, triển khai, quản lý và vận hành Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin báo cáo Thành phố; Hệ thống phục vụ họp và xử lý công việc Thành phố; Hệ thống thông tin báo cáo Thành phố liên thông tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và kết nối Trung tâm điều hành đô thị thông minh; Hệ thống đơn thư khiếu nại tố cáo Thành phố kết nối, liên thông với Hệ thống đơn thư khiếu nại tố cáo của Thanh tra Chính phủ.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Văn phòng UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Thông tin và Truyền thông; sở, ban, ngành; UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
2	Rà soát, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng dùng chung các phân hệ chức năng giữa Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Thành phố để triển khai thống nhất, xuyên suốt từ Thành phố đến xã, phường, thị trấn.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Đôn đốc các sở, ban, ngành và địa phương trong việc đổi mới lề lối,	Năm 2021 và	Văn phòng	Sở, ban,

STT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; điều hành dựa trên dữ liệu số; theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao.	các năm tiếp theo	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
4	Thực hiện và hướng dẫn cơ quan đăng ký hộ tịch trên địa bàn Thành phố công tác cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo đúng quy định, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
5	Triển khai và kiểm tra việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện
6	Hoàn tất việc chuyển đổi, duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước.	Năm 2021 và các năm tiếp theo	Sở, ban, ngành, UBND TP Thủ Đức, quận, huyện, xã, phường, thị trấn	Sở Khoa học và Công nghệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3720/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Thành phố**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 06/TTr-TTTP ngày 15 tháng 10 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Thành phố.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố các có thứ tự A.II.1, A.II.2, B.II.1, B.II.2, C.II.1 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Chánh Thanh tra Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan thuộc sở và cấp tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA THANH TRA THÀNH PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CẤP TỈNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực giải quyết khiếu nại</b>						
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp bình thường: không quá 30 ngày; phức tạp: không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý.</li> <li>- Trường hợp vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn: không quá 45 ngày; phức tạp: không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: tại Trụ sở cơ quan các sở và cấp tương đương (Giám đốc Sở có chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nào chịu trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc lĩnh vực đó).</li> <li>- Đối với thủ tục giải</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khiếu nại 2011.</li> <li>- Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011.</li> <li>- Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi quản lý nhà</li> </ul>	<p><b>1. Trình tự thực hiện điều chỉnh như sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước 4: Ra quyết định giải quyết khiếu nại</li> <li>1. Căn cứ quy định của pháp luật, kết quả xác minh nội dung khiếu nại, kết quả đối thoại (nếu có), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc sở hoặc cấp tương đương, <i>Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương</i> ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.</li> </ul>

			<p>quyết khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền Giám đốc Sở, ban, ngành và cấp tương đương: tại Trụ sở các sở, ban, ngành và cấp tương đương tùy thuộc lĩnh vực chuyên môn phụ trách.</p> <p>- Đối với thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền Thủ trưởng các cơ quan thuộc sở và cấp tương đương: tại Trụ sở cơ quan thuộc sở và cấp tương đương.</p>		<p>nước của Thanh tra Chính phủ.</p>	<p><b>2. Cơ quan thực hiện điều chỉnh như sau:</b></p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc sở và cấp tương đương, <i>Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương.</i></p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Thanh tra sở; các phòng, ban chuyên môn, <i>cơ quan thuộc Sở và cấp tương đương.</i></p>
2	Giải quyết khiếu nại lần hai	<p>- Trường hợp bình thường: không quá 45 ngày; phức tạp: không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý.</p> <p>- Trường hợp vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn: không quá 60 ngày; phức tạp:</p>	<p>- Đối với thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: tại Trụ sở cơ quan các sở và cấp tương đương, Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh (tùy thuộc lĩnh vực phụ trách, Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra Thành phố có trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, kiến</p>	Không	<p>- Luật Khiếu nại 2011.</p> <p>- Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011.</p> <p>- Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Thanh tra Chính</p>	



		không quá 70 ngày kể từ ngày thụ lý.	nghị việc giải quyết khiếu nại). - Đối với thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai thuộc thẩm quyền Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố và cấp tương đương: tại Trụ sở các sở, ban, ngành và cấp tương đương tùy thuộc lĩnh vực chuyên môn phụ trách.		phủ công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.	
--	--	--------------------------------------	---	--	--	--

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CẤP HUYỆN**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực giải quyết khiếu nại</b>					
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu	- Trường hợp bình thường: không quá 30 ngày; phức tạp: không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý. - Trường hợp vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn: không quá 45 ngày; phức tạp: không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Khiếu nại 2011. - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011. - Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.
2	Giải quyết khiếu nại lần hai	- Trường hợp bình thường: không quá 45 ngày; phức tạp: không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý. - Trường hợp vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn: không quá 60 ngày; phức tạp: không quá 70 ngày kể từ ngày thụ lý.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Khiếu nại 2011. - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011. - Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực giải quyết khiếu nại</b>					
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu	- Trường hợp bình thường: không quá 30 ngày; phức tạp: không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý. - Trường hợp vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn: không quá 45 ngày; phức tạp: không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Khiếu nại 2011. - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011. - Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng